


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

MAGIE SULPHATE	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 10034-99-8 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Magie sulphate heptahydrate	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Magie sulphate heptahydrate	
Tên khác (không là tên khoa học):	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Cty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 Ht31, KP01, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM Điện thoại: 028.6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: được sử dụng trong ngành nông nghiệp	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Magie sulphat	10034-99-8	MgSO ₄ .7H ₂ O	100%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...); Không được phân loại là chất nguy hiểm.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;
- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh;
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây kích ứng mắt nhẹ
- Đường thở: Có thể gây kích ứng đường hô hấp
- Đường da: Có thể gây kích ứng da
- Đường tiêu hóa: Có thể gây kích ứng tiêu hóa với buồn nôn, nôn mửa và tiêu chảy.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

Rửa mắt với nhiều nước trong ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng nâng phần trên và dưới mí mắt. Nhận hồ

trợ y tế.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Nhận hỗ trợ y tế. Làm sạch da với nhiều nước trong ít nhất 15 phút trong khi gỡ bỏ quần áo và giày dép bị ô nhiễm. Giặt quần áo trước khi tái sử dụng.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Loại bỏ khỏi tiếp xúc và di chuyển đến không khí trong lành ngay lập tức. Nếu không thở, hãy cho nhân tạo hô hấp. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxi. Nhận hỗ trợ y tế.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nhận hỗ trợ y tế. Không gây ra nôn mửa. Nếu tỉnh táo và tỉnh táo, hãy súc miệng và uống 2-4 cốc sữa hoặc nước.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có) : Điều trị triệu chứng và hỗ trợ

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Không cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...)

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Sử dụng phương tiện chữa cháy thích hợp nhất cho đám cháy xung quanh.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Hút bụi hoặc quét vật liệu và đặt vào thùng chứa phù hợp. Dọn dẹp sự cố tràn ngay lập tức, tuân thủ các biện pháp phòng ngừa trong phần Thiết bị bảo vệ. Tránh tạo bụi điều kiện. Cung cấp thông gió.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Rửa kỹ sau khi xử lý. Cởi bỏ quần áo bẩn và rửa sạch trước khi sử dụng lại. Dùng với bàn luận, thông báo thích hợp. Giảm thiểu phát bụi và tích lũy. Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo. Giữ kín thùng chứa. Tránh ăn và hít phải.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Lưu trữ ở nơi khô thoáng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

Các cơ sở lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này phải được trang bị thiết bị rửa mắt và an toàn vòi hoa sen. Sử dụng thông gió đầy đủ để duy trì nồng độ trong không khí thấp.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: đeo kính bảo hộ hoặc kính bảo hộ hóa học phù hợp như được mô tả bởi mắt của OSHA và quy định bảo vệ khuôn mặt trong 29 CFR 1910.133 hoặc Tiêu chuẩn Châu Âu EN166.

- Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp để tránh tiếp xúc với da.

- Bảo vệ tay: Mang găng tay thích hợp để tránh tiếp xúc với da.

- Bảo vệ chân: mang giày chống thấm nước.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: rắn	Điểm sôi (°C)
Màu sắc: trong suốt	Điểm nóng chảy (°C)
Mùi đặc trưng:	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Nhiệt độ tự cháy (°C)
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)
Độ hòa tan trong nước: tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)
Độ PH: 5-8.2	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng (kg/m ³)	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở nhiệt độ bình thường và áp lực.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: oxit lưu huỳnh
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...);
- Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1	LC, LD, PEL, Nồng độ tối đa cho phép...	mg/m ³	Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

2. Các ảnh hưởng độc khác

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy**4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý****XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN**

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 15-03-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc